

Phụ lục 10

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP.HCM
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

BẢNG GHI ĐIỂM QUÁ TRÌNH

Học kỳ: I - Năm học: 2023 - 2024

Tên môn: 23401293 - CCQ2311A - Giáo dục quốc phòng và an ninh

Số tín chỉ: 05

Giảng viên: Nguyễn Thành Quân - 234006

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Ngày sinh	BP1	BP2	BP3	BP4		BP4		ĐQT (40%)	Ghi chú
						LT1	LT2	ĐL	BS		RL			
1	2123110068	Trần Văn	An	CCQ2311B	26/08/2005	5.5	8.3	8	7.3	7.3	8.5	8.5	7.6	
2	2123110056	Lê Trọng	Bảo	CCQ2311B	06/11/2005	7.3	7.0	7.6	8.7	8.7	7.5	7.5	7.7	
3	2123110464	Nguyễn Thanh Thiên	Bảo	CCQ2311B									0.0	
4	2123110019	Trần Thị Minh	Chi	CCQ2311A	13/05/2004	6.5	8.5	7.2	7.7	7.7	7.0	7.0	7.4	
5	2123110035	Châu Thành	Đạt	CCQ2311A	25/10/2005	6.8	8.8	7.2	7.3	7.3	7.0	7.0	7.3	
6	2123110052	Huỳnh Văn	Định	CCQ2311B	07/07/2005	7.8	8.3	7.2	8.0	8.0	7.0	7.0	7.6	
7	2123110029	Bùi Thanh	Đông	CCQ2311A	02/01/2005	5.0	6.0	7	9.0	9.0	7.0	7.0	7.1	
8	2123110045	Trần Hoàng	Dũng	CCQ2311B	06/11/2005	5.8	5.5	7.6	8.3	8.3	7.0	7.0	7.1	
9	2123110036	Lâm Trùng	Dương	CCQ2311B	07/07/1999	8.5	7.8	8.5	9.3	9.3	9.5	9.5	8.9	
10	2123110470	Nguyễn Thị Mẫn	Duy	CCQ2311A	17/10/2005	7.0	8.8	7.2	7.7	7.7	7.0	7.0	7.5	
11	2123110021	Nguyễn Hoàng	Gia	CCQ2311A	06/03/2005	6.3	7.3	7.4	9.7	9.7	7.0	7.0	7.7	
12	2123110055	Trịnh Ngọc Hậu	Giang	CCQ2311B									0.0	
13	2123110066	Đinh Quang	Hà	CCQ2311B	01/11/2005	6.3	6.3	7.4	7.3	7.3	7.0	7.0	6.9	
14	2123110043	Bùi Quang	Hào	CCQ2311B	25/11/2005	4.8	8.5	8	7.3	7.3	8.5	8.5	7.6	
15	2123110059	Trần Ngọc	Hiệp	CCQ2311B	02/09/2004	5.3	7.8	7.4	8.3	8.3	7.0	7.0	7.3	
16	2123110031	Phạm Hoàng Minh	Hiếu	CCQ2311A	19/01/2005	6.3	7.8	7.6	8.3	8.3	7.5	7.5	7.6	
17	2123110009	Lưu Đức	Hoà	CCQ2311A	27/11/2004	7.8	8.5	7.2	8.0	8.0	7.0	7.0	7.6	
18	2123110024	Hồ Minh	Hoàng	CCQ2311A	20/05/2005	7.0	7.5	8.5	9.7	9.7	9.0	9.0	8.6	

19	2123110049	Nguyễn Thế	Hoàng	CCQ2311B	22/08/2005	5.5	5.3	7.6	8.0	8.0	7.5	7.5	7.1	
20	2123110475	Nguyễn Phi	Hùng	CCQ2311B	29/04/2005	6.0	7.0	8	9.0	9.0	8.0	8.0	7.9	
21	2123110032	Nguyễn Việt	Hưng	CCQ2311A	14/12/2005	7.3	7.0	7	9.0	9.0	6.5	6.5	7.5	
22	2123110060	Tô Văn	Hưng	CCQ2311B	21/02/2005	6.5	7.8	7.2	9.0	9.0	7.0	7.0	7.6	
23	2123110051	Đồng Phúc	Khánh	CCQ2311B	20/04/2005	4.3	6.0	7.6	9.0	9.0	8.5	8.5	7.6	
24	2123110016	Nguyễn Việt	Khoa	CCQ2311A	30/11/2005	5.3	7.0	8.5	9.3	9.3	8.5	8.5	8.1	
25	2123110058	Phạm Đăng	Khoa	CCQ2311B	14/10/2005	6.5	6.0	7.8	8.7	8.7	8.5	8.5	7.8	
26	2123110270	Phạm Thành	Khuong	CCQ2311A	17/02/2005	5.8	7.5	7.6	9.3	9.3	9.0	9.0	8.2	
27	2123110062	Trương Chí	Kiên	CCQ2311B	02/11/2005	7.3	7.5	7.8	9.7	9.7	8.0	8.0	8.3	
28	2123110044	Võ Trung	Kiên	CCQ2311B									0.0	
29	2123110067	Đỗ Quốc	Kiệt	CCQ2311B	06/05/2005	7.3	6.8	7.6	10.0	10.0	7.0	7.0	7.9	
30	2123110013	Thái Mộng	Kiều	CCQ2311A	21/08/2005	8.0	8.3	7.2	7.7	7.7	7.0	7.0	7.5	
31	2123110480	Phan Nhật	Lâm	CCQ2311A	14/07/2005	6.3	6.0	7.4	8.0	8.0	7.0	7.0	7.1	
32	2123110026	Phan Quang	Linh	CCQ2311A									0.0	
33	2123110017	Mai Xuân	Lộc	CCQ2311A	18/10/2005	4.8	8.3	7	7.0	7.0	7.0	7.0	6.9	
34	2123110048	Vòng	Minh	CCQ2311B	23/04/2005	6.0	8.5	7.6	7.3	7.3	8.0	8.0	7.5	
35	2123110039	Mai Văn	Nghiệp	CCQ2311B	20/10/2005	5.8	6.8	7.2	9.3	9.3	6.5	6.5	7.3	
36	2123110054	Trần Thị Mỹ	Như	CCQ2311B	17/05/2005	6.3	5.8	7.2	8.7	8.7	7.0	7.0	7.2	
37	2123110012	Trần Thị Hồng	Nhung	CCQ2311A	08/09/1999	8.3	9.0	8.5	9.0	9.0	9.5	9.5	9.0	
38	2123110008	Vũ Đình Nam	Phong	CCQ2311A	25/01/2003	7.5	7.3	7.4	9.0	9.0	7.0	7.0	7.7	
39	2123110047	Hà Trần Trọng	Phúc	CCQ2311B	12/09/2005	4.8	8.5	7.2	7.3	7.3	6.5	6.5	6.9	
40	2123110025	Mai Hồng	Phúc	CCQ2311A	14/01/2005	5.0	6.0	7.6	8.7	8.7	7.0	7.0	7.1	
41	2123110010	Võ Hồng	Phúc	CCQ2311A	21/06/2001	6.0	8.0	7.4	8.3	8.3	7.0	7.0	7.4	
42	2123110046	Lê Võ Nhật	Pin	CCQ2311B	24/09/2005	7.5	7.0	8.8	8.0	8.0	7.5	7.5	7.8	
43	2123110459	Lê Hoàng	Quân	CCQ2311B	03/05/2005	7.0	6.8	7.4	8.0	8.0	7.0	7.0	7.3	
44	2123110042	Trần Thị Kim	Quý	CCQ2311B	11/12/2005	7.8	8.3	7.2	8.0	8.0	7.0	7.0	7.6	
45	2123110038	Nguyễn Anh	Quốc	CCQ2311B	18/03/2003	7.8	6.3	7.4	9.0	9.0	7.5	7.5	7.8	
46	2123110473	Bùi Thanh	Tài	CCQ2311B	07/08/2005	5.3	6.3	7.6	9.0	9.0	8.0	8.0	7.6	
47	2123110020	Nguyễn Duy	Tân	CCQ2311A	12/10/2005	6.8	7.0	7.2	5.0	5.0	7.0	7.0	6.4	
48	2123110367	Nguyễn Thái	Tân	CCQ2311A	04/10/2004	7.5	7.0	7.4	9.0	9.0	8.0	8.0	8.0	
49	2123110006	Trần Trọng	Tấn	CCQ2311A	10/04/2004	5.5	6.5	7.6	9.0	9.0	8.0	8.0	7.7	
50	2123110053	Nguyễn Thành	Thái	CCQ2311B	23/11/2005	6.5	5.8	7.4	4.7	4.7	7.5	7.5	6.3	
51	2123110069	Cù Cao Quốc	Thắng	CCQ2311B	04/02/2005	4.3	8.5	7.2	8.3	8.3	7.0	7.0	7.2	

52	2123110011	Trần Nhật	Thanh	CCQ2311A	15/03/2005	5.5	5.8	7.4	8.0	8.0	7.0	7.0	7.0	
53	2123110018	Đinh Công	Thiện	CCQ2311A	29/10/2005	7.3	7.8	7.2	7.7	7.7	7.0	7.0	7.4	
54	2123110028	Phạm Nguyễn Hoàng	Thiện	CCQ2311A	07/06/2005	6.8	6.8	7.6	9.0	9.0	7.0	7.0	7.6	
55	2123110063	Lê Công	Thịnh	CCQ2311B									0.0	
56	2123110040	Nguyễn Văn	Thụ	CCQ2311B	06/09/2005	8.5	7.3	7.4	8.3	8.3	7.0	7.0	7.7	
57	2123110022	Lê Nguyễn Thanh	Thương	CCQ2311A	24/12/2004	7.0	7.0	8	9.0	9.0	7.0	7.0	7.7	
58	2123110071	Nguyễn Thị Thu	Thủy	CCQ2311B	23/07/2005	6.0	8.5	7.2	7.7	7.7	7.0	7.0	7.3	
59	2123110041	Lê Thị Cẩm	Tiên	CCQ2311B	24/04/2005	8.0	7.3	7	8.7	8.7	7.0	7.0	7.7	
60	2123110015	Trương Quốc	Toàn	CCQ2311A	12/07/2005	5.0	7.0	7.4	9.0	9.0	7.0	7.0	7.3	
61	2123110070	Tổng Lê Duy	Trí	CCQ2311B	14/07/2005	6.3	8.3	7.6	7.7	7.7	8.0	8.0	7.6	
62	2123110486	Từ Văn Anh	Trưởng	CCQ2311A	04/05/2005	6.8	6.0	7.6	9.0	9.0	7.0	7.0	7.5	
63	2123110027	Hoàng Minh	Tuấn	CCQ2311A	05/07/2005	6.5	6.3	8	9.0	9.0	8.5	8.5	8.0	
64	2123110061	Nguyễn Anh	Tuấn	CCQ2311B	11/09/2000	6.3	7.3	7.6	8.3	8.3	7.5	7.5	7.5	
65		ĐỖ TẤN	ĐÌNH		22/08/2005	6.3	7.0	7	6.7	6.7	6.5	6.5	6.7	

Tp. HCM, ngày 08 tháng 10 năm 2023.

Giảng viên



Nguyễn Thành Quân

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP.HCM
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

BẢNG GHI ĐIỂM MÔN HỌC/HỌC PHẦN
Học kỳ: I - Năm học: 2023 - 2024

Tên môn: 23401293 - CCQ2311A - Giáo dục quốc phòng và an ninh
Giảng viên: Nguyễn Thành Quân - 234006

Số tín chỉ: 05

Mã MH	STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Ngày sinh	ĐQT (40%)	Thi (60%)	ĐTK	Ghi chú
234012	1	2123110068	Trần Văn	An	CCQ2311B	26/08/2005	7.6	6.6	7.0	
234012	2	2123110056	Lê Trọng	Bảo	CCQ2311B	06/11/2005	7.7	7.2	7.4	
234012	3	2123110464	Nguyễn Thanh Thiên	Bảo	CCQ2311B		0.0		0.0	
234012	4	2123110019	Trần Thị Minh	Chi	CCQ2311A	13/05/2004	7.4	7.2	7.3	
234012	5	2123110035	Châu Thành	Đạt	CCQ2311A	25/10/2005	7.3	5.4	6.2	
234012	6	2123110052	Huỳnh Văn	Định	CCQ2311B	07/07/2005	7.6	5.2	6.2	
234012	7	2123110029	Bùi Thanh	Đông	CCQ2311A	02/01/2005	7.1	5.8	6.3	
234012	8	2123110045	Trần Hoàng	Dũng	CCQ2311B	06/11/2005	7.1	4.4	5.5	
234012	9	2123110036	Lâm Trùng	Dương	CCQ2311B	07/07/1999	8.9	7.8	8.2	
234012	10	2123110470	Nguyễn Thị Mẫn	Duy	CCQ2311A	17/10/2005	7.5	7.6	7.5	
234012	11	2123110021	Nguyễn Hoàng	Gia	CCQ2311A	06/03/2005	7.7	6.6	7.1	
234012	12	2123110055	Trịnh Ngọc Hậu	Giang	CCQ2311B		0.0		0.0	
234012	13	2123110066	Đinh Quang	Hà	CCQ2311B	01/11/2005	6.9	6.6	6.7	
234012	14	2123110043	Bùi Quang	Hào	CCQ2311B	25/11/2005	7.6	4.8	5.9	
234012	15	2123110059	Trần Ngọc	Hiệp	CCQ2311B	02/09/2004	7.3	5.6	6.3	
234012	16	2123110031	Phạm Hoàng Minh	Hiếu	CCQ2311A	19/01/2005	7.6	4.0	5.4	
234012	17	2123110009	Lưu Đức	Hoà	CCQ2311A	27/11/2004	7.6	8.2	8.0	
234012	18	2123110024	Hồ Minh	Hoàng	CCQ2311A	20/05/2005	8.6	8.0	8.2	

234012	19	2123110049	Nguyễn Thế	Hoàng	CCQ2311B	22/08/2005	7.1	5.0	5.8	
234012	20	2123110475	Nguyễn Phi	Hùng	CCQ2311B	29/04/2005	7.9	6.8	7.2	
234012	21	2123110032	Nguyễn Việt	Hưng	CCQ2311A	14/12/2005	7.5	5.0	6.0	
234012	22	2123110060	Tô Văn	Hưng	CCQ2311B	21/02/2005	7.6	7.2	7.4	
234012	23	2123110051	Đồng Phúc	Khánh	CCQ2311B	20/04/2005	7.6	7.6	7.6	
234012	24	2123110016	Nguyễn Việt	Khoa	CCQ2311A	30/11/2005	8.1	5.8	6.7	
234012	25	2123110058	Phạm Đăng	Khoa	CCQ2311B	14/10/2005	7.8	5.8	6.6	
234012	26	2123110270	Phạm Thành	Khương	CCQ2311A	17/02/2005	8.2	6.6	7.2	
234012	27	2123110062	Trương Chí	Kiên	CCQ2311B	02/11/2005	8.3	8.2	8.2	
234012	28	2123110044	Võ Trung	Kiên	CCQ2311B		0.0		0.0	
234012	29	2123110067	Đỗ Quốc	Kiệt	CCQ2311B	06/05/2005	7.9	6.0	6.8	
234012	30	2123110013	Thái Mộng	Kiều	CCQ2311A	21/08/2005	7.5	7.6	7.6	
234012	31	2123110480	Phan Nhật	Lâm	CCQ2311A	14/07/2005	7.1	5.6	6.2	
234012	32	2123110026	Phan Quang	Linh	CCQ2311A		0.0	0.0	0.0	
234012	33	2123110017	Mai Xuân	Lộc	CCQ2311A	18/10/2005	6.9	5.6	6.1	
234012	34	2123110048	Vòng	Minh	CCQ2311B	23/04/2005	7.5	5.2	6.1	
234012	35	2123110039	Mai Văn	Nghiệp	CCQ2311B	20/10/2005	7.3	5.6	6.3	
234012	36	2123110054	Trần Thị Mỹ	Như	CCQ2311B	17/05/2005	7.2	6.6	6.8	
234012	37	2123110012	Trần Thị Hồng	Nhung	CCQ2311A	08/09/1999	9.0	8.4	8.6	
234012	38	2123110008	Vũ Đình Nam	Phong	CCQ2311A	25/01/2003	7.7	6.6	7.1	
234012	39	2123110047	Hà Trần Trọng	Phúc	CCQ2311B	12/09/2005	6.9	5.8	6.2	
234012	40	2123110025	Mai Hồng	Phúc	CCQ2311A	14/01/2005	7.1	5.6	6.2	
234012	41	2123110010	Võ Hồng	Phúc	CCQ2311A	21/06/2001	7.4	5.6	6.3	
234012	42	2123110046	Lê Võ Nhật	Pin	CCQ2311B	24/09/2005	7.8	6.2	6.8	
234012	43	2123110459	Lê Hoàng	Quân	CCQ2311B	03/05/2005	7.3	5.8	6.4	
234012	44	2123110042	Trần Thị Kim	Quý	CCQ2311B	11/12/2005	7.6	8.0	7.8	
234012	45	2123110038	Nguyễn Anh	Quốc	CCQ2311B	18/03/2003	7.8	6.4	6.9	
234012	46	2123110473	Bùi Thanh	Tài	CCQ2311B	07/08/2005	7.6	5.6	6.4	
234012	47	2123110020	Nguyễn Duy	Tân	CCQ2311A	12/10/2005	6.4	6.0	6.2	
234012	48	2123110367	Nguyễn Thái	Tân	CCQ2311A	04/10/2004	8.0	5.6	6.6	
234012	49	2123110006	Trần Trọng	Tấn	CCQ2311A	10/04/2004	7.7	7.8	7.7	
234012	50	2123110053	Nguyễn Thành	Thái	CCQ2311B	23/11/2005	6.3	6.6	6.5	
234012	51	2123110069	Cù Cao Quốc	Thắng	CCQ2311B	04/02/2005	7.2	7.2	7.2	

234012	52	2123110011	Trần Nhật	Thanh	CCQ2311A	15/03/2005	7.0	6.8	6.9	
234012	53	2123110018	Đinh Công	Thiện	CCQ2311A	29/10/2005	7.4	7.0	7.1	
234012	54	2123110028	Phạm Nguyễn Hoàng	Thiện	CCQ2311A	07/06/2005	7.6	7.0	7.2	
234012	55	2123110063	Lê Công	Thịnh	CCQ2311B		0.0	0.0	0.0	
234012	56	2123110040	Nguyễn Văn	Thụ	CCQ2311B	06/09/2005	7.7	6.4	6.9	
234012	57	2123110022	Lê Nguyễn Thanh	Thương	CCQ2311A	24/12/2004	7.7	7.8	7.8	
234012	58	2123110071	Nguyễn Thị Thu	Thủy	CCQ2311B	23/07/2005	7.3	7.0	7.1	
234012	59	2123110041	Lê Thị Cẩm	Tiên	CCQ2311B	24/04/2005	7.7	6.6	7.0	
234012	60	2123110015	Trương Quốc	Toàn	CCQ2311A	12/07/2005	7.3	7.0	7.1	
234012	61	2123110070	Tổng Lê Duy	Trí	CCQ2311B	14/07/2005	7.6	6.8	7.1	
234012	62	2123110486	Từ Văn Anh	Trường	CCQ2311A	04/05/2005	7.5	6.6	7.0	
234012	63	2123110027	Hoàng Minh	Tuấn	CCQ2311A	05/07/2005	8.0	5.0	6.2	
234012	64	2123110061	Nguyễn Anh	Tuấn	CCQ2311B	11/09/2000	7.5	4.0	5.4	
234012	65		ĐỖ TẤN	ĐÌNH		22/08/2005	6.7	7.2	7.0	LỚP T HÙNG

Tp. HCM, ngày 15 tháng 10 năm 2023.

Giảng viên



Nguyễn Thành Quân

